



## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009

### I/ LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

#### 1. Những sự kiện quan trọng:

\* Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu tổng hợp và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh tiền thân là doanh nghiệp nhà nước. Căn cứ Nghị quyết 01 ngày 14/09/1982 của Bộ Chính trị và Ban chấp hành Trung ương Đảng về công tác của Tp.Hồ Chí Minh và bản thỏa thuận thống nhất giữa Chủ tịch UBND Tp.Hồ Chí Minh và Bộ trưởng Bộ Ngoại thương, ngày 25/11/1982 UBND Tp.Hồ Chí Minh đã ra Quyết định số 298/QĐ-UB thành lập Công ty Xuất nhập khẩu Thành phố (Imex SaiGon).

\* Ngày 01/06/1983, UBND Tp.Hồ Chí Minh ra Quyết định số 77/QĐ-UB chuyển Công ty Xuất nhập khẩu Thành phố thành Tổng Công ty Xuất nhập khẩu tổng hợp và Đầu tư

Tp.Hồ Chí Minh, trực thuộc quản lý của Sở Ngoại thương Tp.Hồ Chí Minh.

\* Năm 1984, Sở Ngoại thương giải thể, Imexco được UBND Tp.Hồ Chí Minh trực tiếp quản lý với chức năng nhiệm vụ của Tổng Công ty ngang Sở, vừa là đầu mối kinh doanh xuất nhập khẩu duy nhất của thành phố vừa quản lý 12 công ty, xí nghiệp gồm:

- 1) Công ty Nông sản Thực phẩm Xuất khẩu (Agrex Saigon).
- 2) Công ty Công nghệ phẩm Xuất khẩu (Inexim).
- 3) Công ty Xuất khẩu Hàng thủ công Mỹ nghệ (Artex Saigon).
- 4) Công ty Bao bì Xuất khẩu (Spacex).
- 5) Công ty Xuất nhập khẩu và hợp tác kinh tế với Lào (Savimex).
- 6) Công ty Xuất nhập khẩu với Campuchia (Sapexim).
- 7) Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương (Transimex).
- 8) Xí nghiệp Chế biến Hàng xuất khẩu Cầu Tre.
- 9) Xí nghiệp Chế biến gỗ Xuất khẩu (Satimex).
- 10) Xí nghiệp Đồ hộp Xuất khẩu Linh Xuân (Sanoco).
- 11) Xí nghiệp Chế biến Thủy hải sản Xuất khẩu Đông lạnh I.
- 12) Xí nghiệp Bao bì Xuất khẩu.

\* Trước những năm 1990, với cơ chế bao cấp của nhà nước, Imexco là đơn vị đầu mối xuất nhập khẩu duy nhất của thành phố với 12 công ty, xí nghiệp hạch toán độc lập trực thuộc. Sau năm 1990, với chính sách mở cửa và xây dựng nền kinh tế thị trường, các đơn vị trực thuộc đã lần lượt tách ra khỏi Imexco và đã để lại cho Công ty một khoản nợ không nhỏ (trên 60 triệu USD), Công ty gần như không còn một cơ sở sản xuất nào có quy mô lớn.

\* Thực hiện Nghị định 388/HĐBT ngày 20/11/1991 và Nghị định 156/HĐBT ngày 07/05/1992 của Hội đồng Bộ trưởng về sửa đổi, bổ sung Nghị định 388/HĐBT về thành



lập và giải thể doanh nghiệp nhà nước, năm 1994 Imexco được thành lập lại doanh nghiệp nhà nước với tên gọi là Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh (Imexco) theo Quyết định số 09/QĐ-UB ngày 10/12/1994 của UBND Tp.Hồ Chí Minh.

\* Sau khi thành lập lại doanh nghiệp nhà nước theo Nghị định 388/HĐBT, cán cân tài chính của Imexco không bình thường, hậu quả của cơ chế bao cấp đã để lại cho Công ty khoản thâm hụt ngoại tệ lên đến 16,4 triệu USD (do Imexco nhập nguyên liệu, vật tư cho sản xuất công nghiệp, các công trình công cộng, xăng dầu, cầu cảng, y tế v.v... cho thành phố không đủ nguồn thanh toán) và 9,6 triệu USD nhập khẩu theo chỉ đạo của thành phố không có khả năng thu hồi.

\* Trong giai đoạn 1996 – 2000, là khoảng thời gian vô cùng khó khăn của Imexco về tư cách pháp nhân, về thương hiệu Imexco trong và ngoài nước, Công ty đã giải quyết được công nợ nước ngoài, tích cực thu hồi công nợ khó đòi trong nước, vẫn duy trì sản xuất kinh doanh có lãi để giải quyết công ăn việc làm cho hơn 1.000 CBCNV (thuộc khối văn phòng và các đơn vị trực thuộc) và không phát sinh công nợ mới, hàng năm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

\* Thực hiện Quyết định số 3375/QĐ-UB ngày 18/08/2003 của UBND Tp.Hồ Chí Minh, Imexco đã được chuyển hình thức sở hữu từ công ty nhà nước sang công ty cổ phần và chính thức hoạt động từ tháng 02/2004 với vốn điều lệ là 30 tỷ đồng

\* Imexco được chính thức giao dịch trên Thị trường UPCOM Sở giao dịch chứng khoán Hà nội từ ngày 4/5/2010

## 2. Ngành nghề kinh doanh:

- Thu mua, gia công, chế biến và kinh doanh các mặt hàng nông, lâm, thủy hải sản (không gia công chế biến tại trụ sở), hàng công nghệ phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ để xuất khẩu và tiêu thụ nội địa (trừ chế biến gỗ tại trụ sở).
- Nhập khẩu và kinh doanh đồ dùng cá nhân và gia đình, vật tư, nguyên liệu, máy móc, phương tiện vận tải.
- Liên doanh hợp tác đầu tư.
- Kinh doanh địa ốc và kinh doanh kiều hối theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- Sản xuất, mua bán các sản phẩm ngành may (trừ tẩy nhuộm).
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư.
- Mua bán thực phẩm chế biến (trừ kinh doanh dịch vụ ăn uống).
- Kinh doanh nhà.
- Cho thuê kho, xưởng, mặt bằng phục vụ mục đích kinh doanh.



- Mua bán rượu, thuốc lá nội.
- Quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại Tp.Hồ Chí Minh).
- Sản xuất, mua bán bao bì nhựa (trừ tái chế phế thải).
- In trên bao bì (trừ in tráng bao bì kim loại).
- Đại lý vận tải hàng.
- Gia công, sản xuất lưới các loại.
- Sản xuất sản phẩm bằng kim loại: móc treo (không hoạt động tại trụ sở).

Tài khoản tiền: Tài khoản tiền Việt Nam Đồng số 0071000006063 mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh, số 29 Bến Chương Dương, P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh

## **II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **1. Kết quả hoạt động**

- Trong năm 2009 HĐQT đã phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức để giữ vững sự ổn định và phát triển Công ty. HĐQT Công ty đã chủ trương đẩy mạnh sự hợp tác, liên kết với các đối tác, để mở rộng đầu tư, triển khai thực hiện dự án Khu Công nghiệp Phú Gia và các dự án khác phù hợp với chiến lược phát triển Công ty để hoàn thành các chỉ tiêu do Đại Hội cổ đông thường niên năm 2009 đề ra.

- Doanh thu và thu nhập : 271.765.295.267 đồng, tương đương 98,82% kế hoạch.

- Lợi nhuận trước thuế: 5.736.637.404 đồng, tương đương 114,73% kế hoạch

- Tỷ lệ chi cổ tức : 9% vốn điều lệ, bằng 100% kế hoạch (gồm 4% chi bằng tiền mặt và 5% chi bằng cổ phiếu).

### **2. Tình hình tài chính (Thời điểm 31/12/2009)**

#### **2.1 Cơ cấu tài sản**

+ Tổng giá trị tài sản của Công ty : 1.159.781.660.632 đồng:

- Tài sản ngắn hạn : 398.875.786.352 đồng

- Tài sản dài hạn : 760.905.874.280 đồng

+Nguồn vốn: 1.159.781.660.632 đồng, gồm :

- Nợ phải trả : 1.120.143.235.702 đồng

-Vốn chủ sở hữu : 38.947.351.238 đồng

#### **2.2 Vốn điều lệ và cơ cấu cổ đông**

Vốn điều lệ công ty năm 2009 là 30.000.000.000 đồng với 3.000.000 cổ phiếu phổ thông mệnh giá 10.000 đồng/Cổ phiếu



-Tính đến ngày chốt danh sách lưu ký chứng khoán tại trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam VSD.Tổng số cổ đông công ty là :

+Cổ đông vốn Nhà nước : 20%

+Cổ đông cá nhân và tổ chức : 80,00%

Trong đó : - CB.CNV : 28,59%

- Cổ đông ngoài DN: 51,41%

- Cổ đông nước ngoài : 0 %

### 3. Đánh giá chung :

Trong năm 2009 tình hình kinh tế vẫn tiếp tục suy thoái đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Imexco. Với sự cố gắng của CBCNV, sự nỗ lực không ngừng của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Công ty đã cố gắng thực hiện kế hoạch đã trình Đại hội Cổ đông. Tuy tỷ lệ cổ tức chia không như mong muốn nhưng trong điều kiện tình hình kinh tế năm 2009, để đạt được tỷ lệ cổ tức 9% là sự phấn đấu rất lớn của Ban Tổng Giám đốc và CBCNV toàn Công ty. Quan trọng nhất là Công ty đã duy trì được sản xuất và khách hàng, bảo đảm được đời sống của CBCNV, bảo toàn được vốn và chia cổ tức cho cổ đông. Trong năm 2009 tình hình kinh tế vẫn tiếp tục suy thoái đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Imexco. Với sự cố gắng của CBCNV, sự nỗ lực không ngừng của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Công ty đã cố gắng thực hiện kế hoạch đã trình Đại hội Cổ đông. Tuy tỷ lệ cổ tức chia không như mong muốn nhưng trong điều kiện tình hình kinh tế năm 2009, để đạt được tỷ lệ cổ tức 9% là sự phấn đấu rất lớn của Ban Tổng Giám đốc và CBCNV toàn Công ty. Quan trọng nhất là Công ty đã duy trì được sản xuất và khách hàng, bảo đảm được đời sống của CBCNV, bảo toàn được vốn và chia cổ tức cho cổ đông.

### III.Báo Cáo của Ban Tổng Giám Đốc :

#### 1. Kết quả hoạt động kinh doanh 2009

	<u>Kế hoạch 2009</u>	<u>Thực hiện 2009</u>	<u>Tỷ lệ</u>
<b><u>1/ Tổng kim ngạch XNK &amp; kiều hối:</u></b>	12.000.000USD	6.206.306USD	51,72%
Trong đó :			
- Xuất khẩu :	2.500.000 USD	1.027.766 USD	41,11%
- Nhập khẩu :	3.500.000USD	3.553.562 USD	101,53%
- Kiều hối :	6.000.000 USD	1.624.978 USD	27,08%
<b><u>2/ Tổng doanh thu &amp; thu nhập :</u></b>	275.000.000.000Đ	271.765.295.267 Đ	98,82%
<b>Tổng chi phí :</b>	266.028.657.863 Đ		

**3/ Lợi nhuận:**

- Lợi nhuận trước thuế: 5.000.000.000 Đ                      5.736.637.404 Đ                      114,73%
- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn: 19,12%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp : 1.805.819.162 Đ
- Lợi nhuận sau thuế : 3.930.818.242 Đ
- Lợi ích của Công ty con : 93.749.806 Đ
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông tại Công ty mẹ: 3.837.068.436 Đ

**2. Hoạt động kinh doanh****\* Về kinh doanh xuất nhập khẩu:**

Xuất nhập khẩu là nhiệm vụ chiến lược trong kế hoạch kinh doanh của Công ty, là chức năng chính trong giấy phép kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên trong năm qua các chỉ tiêu này ngày càng giảm do bị tác động quá nhiều những bất ổn về giá cả trên thị trường quốc tế và trong nước, dẫn đến việc kinh doanh không có hiệu quả.

Trong bối cảnh khó khăn chung của ngành hàng xuất khẩu. Để đảm bảo hiệu quả kinh doanh của Công ty, HĐQT – Ban Tổng giám đốc khuyến khích các đơn vị nội bộ tập trung đẩy mạnh đầu tư sản xuất và kinh doanh nội địa. Bản thân Ban giám đốc của các đơn vị cũng đã sớm nhìn nhận vấn đề và đã có bước chuyển đổi cơ bản ngành nghề kinh doanh tại Cty TNHH MTV Vĩnh Phát và Chi nhánh Bình Thuận. Trong năm qua những mặt hàng sản xuất tại các đơn vị này đang phát triển mạnh mẽ cả doanh thu lẫn thị trường từng bước gây dựng thương hiệu cho mình. Doanh thu và lợi nhuận tăng hàng năm chứng tỏ Công ty đã đi đúng hướng và trong những năm tới Công ty vẫn tiếp tục đầu tư mở rộng sản xuất để phát triển các mặt hàng này.

**\* Về các dự án đầu tư :****Đầu tư phát triển sản xuất:**

+ **Công ty TNHH Vĩnh Phát – Imexco** : Đầu tư 7.811.889.411 Đ

Trong năm 2009 Công ty đã tiếp tục đầu tư mở rộng để tăng công suất, chất lượng sản phẩm của mình.

Trong đó : + Đầu tư Máy móc thiết bị: 6.828.122.548 đ

+ Nhà cửa và kiến trúc : 44.740.882 đ

+ Phương tiện vận tải : 939.025.981 đ

Duy trì đầu tư hàng năm để đổi mới công nghệ mức tạo đà tăng trưởng cho đơn vị từ 15-20% / năm.

+ **Chi nhánh Imexco Bình Thuận** :



Trong quá trình đầu tư CN Imexco Bình Thuận đã được sự hỗ trợ của Ngân hàng phát triển Việt Nam Chi nhánh Bình Thuận cho vay vốn với lãi suất ưu đãi. Công ty đã thực hiện tốt việc trả nợ vay và lãi đúng hạn, bảo đảm được uy tín với ngân hàng. Chi nhánh Imexco Bình Thuận đã tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động tại Bình Thuận, đóng góp cho ngân sách địa phương nên đã được sự tin tưởng tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển và đầu tư mở rộng sản xuất tại Chi nhánh trong thời gian tới.

**+ XN Nông Hải Sản thực phẩm xuất khẩu :**

Văn phòng của Xí nghiệp hoàn tất việc xây dựng văn phòng làm việc tại 58 Phú Thọ trong năm 2009. Trị giá 943 triệu đồng, được sử dụng từ nguồn vốn khấu hao của đơn vị.

**b/ Đầu tư các dự án :**

**+ Dự án khu công nghiệp Phú Gia huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương :**

Công ty đang tiếp tục hoàn tất các hạng mục cơ sở hạ tầng còn lại của khu công nghiệp Phú Gia. Tiến hành xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung trị giá trên 1 triệu USD khoảng 18 tỷ đồng Việt Nam, đã hoàn thành và đang trong thời gian thử máy và bàn giao.

Trong năm 2009, Công ty Imexco đưa khu công nghiệp Phú Gia cùng Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thiên Nam thỏa thuận hợp tác khai thác kinh tế. Công ty Thiên Nam cùng chịu trách nhiệm tiếp thị cho dự án và các phương án đầu tư có tính khả thi cao để khai thác khu công nghiệp.

Dự kiến sẽ xây dựng nhà xưởng cho thuê trên diện tích 40ha để đáp ứng nhu cầu khách hàng cần thuê nhà xưởng.

Dành 29 ha để cho các nhà đầu tư có nhu cầu thuê đất tự xây dựng nhà xưởng.

Dành 5 ha xây dựng nhà ở cho công nhân thuê.

Dành 1 ha xây dựng văn phòng làm việc cho thuê.

**+ Dự án cao ốc căn hộ tại 432 Trần Văn Kiểu, Quận 6 :**

Công ty đang lập hồ sơ thiết kế chi tiết để làm thủ tục xin giấy phép xây dựng với quy hoạch chi tiết như sau :

+ Độ cao công trình : 25 tầng và 2 tầng hầm

+ Tổng diện tích sàn xây dựng : 32.278 m<sup>2</sup>

Trong đó :

\* Thương mại, dịch vụ : 1.600 m<sup>2</sup>

\* Văn phòng cho thuê : 2.680 m<sup>2</sup>

\* Căn hộ : 17.352,6 m<sup>2</sup>

\* Tầng hầm : 5.840 m<sup>2</sup>



\* Giao thông : 4.205 m<sup>2</sup>

Tiến độ thực hiện dự án có thể chậm hơn dự kiến ban đầu do suy thoái kinh tế thế giới và tình hình đóng băng của thị trường bất động sản.

**+ Dự án chung cư tại 301 Bến Bình Đông, Quận 8 :**

Đầu năm 2009, sau khi được UBNDTP thuận chủ trương cho Công ty cổ phần sử dụng đất theo chế độ giao đất có thu tiền sử dụng đất, Công ty đã có công văn đề nghị Sở Tài chính – Vật giá Thành phố Hồ Chí Minh thẩm định giá khu đất này.

Công ty tiếp tục thực hiện lập hồ sơ thiết kế với quy hoạch cụ thể như sau:

+ Diện tích khuôn viên : 6.418,9 m<sup>2</sup>

+ Tổng diện tích sàn xây dựng : 62.545 m<sup>2</sup>

Trong đó :

\* Thương mại, dịch vụ : 4.588 m<sup>2</sup>

\* Căn hộ : 48.913 m<sup>2</sup>

\* Tầng hầm : 3.800 m<sup>2</sup>

\* Giao thông, sân bãi, cây xanh : 4.177 m<sup>2</sup>

**+ Dự án tại 3 – 5 Mễ Cốc, Quận 8 :**

Dự án này cũng đã được UBNDTP thuận chủ trương cho Công ty cổ phần sử dụng đất theo chế độ giao đất có thu tiền sử dụng đất. Tháng 03/2009, Công ty đã có công văn đề nghị Sở Tài chính – Vật giá Thành phố Hồ Chí Minh thẩm định giá khu đất này.

Công ty đang lập hồ sơ thiết kế sơ phác với quy hoạch cụ thể như sau :

+ Diện tích khuôn viên : 1.621,4 m<sup>2</sup>

+ Tổng diện tích sàn xây dựng : 6.253,3 m<sup>2</sup>

Trong đó :

\* Thương mại, dịch vụ : 1.732,9 m<sup>2</sup>

\* Văn phòng cho thuê : 2.037,8 m<sup>2</sup>

\* Căn hộ cho thuê : 1.095,1 m<sup>2</sup>

\* Tầng hầm : 1.018,9 m<sup>2</sup>

\* Giao thông, sân bãi : 368,6 m<sup>2</sup>

**\* Đầu tư ra nước ngoài :**

Đến nay Công ty đã hoàn tất các thủ tục đăng ký kinh doanh của Công ty kinh doanh chế biến gỗ Imexco tại Lào. Tổng giá trị đầu tư máy móc thiết bị sản xuất và nhà xưởng 900.000 USD (Đã đầu tư giai đoạn một 300.000 USD)



**\* Những sự kiện ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2009**

-Chấm dứt hoạt động của Công ty TNHH SX TM DV May XK AN Hội Vitexco từ tháng 1/2009 Hoàn tất thủ tục giải thể vào ngày 6/5/2009 (Theo biên bản thu hồi Giấy phép kinh doanh ngày 6/5/2009 của Sở KHĐT.TP.HCM

-Thu hồi vốn góp Công ty CP Phú An-Imexco theo phiếu thu hồi vốn góp ngày 19/5/2009

-Thu hồi vốn góp công ty chế biến Thủy sản Imexco-Trần đề theo phiếu thu hồi vốn góp ngày 19/5/2009

**3.Những tiến bộ đã đạt được**

Để giảm bớt chi phí và tăng cường hiệu quả cho Công ty, Ban Giám Đốc Công ty đã thường xuyên kiểm soát các chi phí và yêu cầu các phòng ban thực hiện tiết kiệm điện, nước, điện thoại, xăng dầu,..v.v....

Chiến lược kinh doanh năm 2009 có những thay đổi cơ bản. Do khó khăn của thị trường thế giới, kế hoạch xuất nhập khẩu sẽ giảm bớt để tập trung đầu tư vào thị trường nội địa, mở rộng các mạng lưới bán hàng và thực hiện từng bước các dự án lớn có khả năng tái tạo nguồn vốn nhanh chóng.

**IV.Báo Cáo tài Chính**

**1. Đơn vị kiểm toán độc lập:** Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Phan Dũng

Địa chỉ: 108/E7 Cộng Hòa Phường 4 Quận Tân Bình

**2. Ý kiến kiểm toán độc lập:**

Trích ...” Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Tổng Hợp và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh tại ngày 31/12/2009, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ kỳ kế toán từ ngày 1/1/2009 đến 31/12/2009, phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Phụ lục đính kèm**

- Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- Báo cáo kết quả SXKD hợp nhất
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

**VI.Các Công ty có liên quan**

**Danh sách các đơn vị Imexco góp vốn đến ngày 31/12/2009**





Đơn vị tính: 1.000 đồng

Stt	Công ty thành viên	31/12/2009	
		Giá trị	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Công ty con</b>	<b>15.382.300</b>	<b>100</b>
1	Công ty TNHH Một thành viên Vĩnh Phát Imexco	10.000.000	100
2	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu tổng hợp và Đầu tư Imexco Sài Gòn (Cty KD chế biến gỗ XK Imexco tại Lào)	5.382.300 (300.000 USD) (*)	100
<b>II</b>	<b>Công ty liên doanh, liên kết, khác</b>	<b>36.156.422</b>	
1	Công ty TNHH Viking Việt Nam	316.422	20,00
2	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hoàng Sinh-Imexco	8.550.000	45,00
3	Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Dịch vụ Đầu tư Việt Nam (Vicosimex)	650.000	4,33
4	Công ty Cổ phần Đào tạo Dệt May	50.000	2,00
5	Công ty Cổ phần Phú Khang Thịnh	500.000	20,00
6	Công ty Cổ phần S.C.I	23.140.000	(**)
7	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Hồng Long	2.950.000	(**)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>51.538.722</b>	

Nguồn: Imexco

(\*): Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31/12/2009 là 17.941 VND/USD.

(\*\*): Imexco góp vốn đầu tư dự án, phân chia lợi nhuận theo kết quả.

- **Công ty TNHH Xuất nhập khẩu tổng hợp và Đầu tư Imexco Sài Gòn** (Cty KD chế biến gỗ XK Imexco tại Lào) Đến nay Công ty đã hoàn tất các thủ tục đăng ký kinh doanh tại Lào. Tổng giá trị đầu tư máy móc thiết bị sản xuất và nhà xưởng 900.000 USD (Đã đầu tư giai đoạn một 300.000 USD)
- **Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hoàng Sinh-IMEXCO**, là đơn vị chuyên sản xuất, gia công các mặt hàng mộc gia dụng, hàng thủ công mỹ nghệ bằng gỗ xuất khẩu sang thị trường Mỹ, Đài Loan và châu Âu
- **Công ty TNHH Một thành viên Vĩnh Phát Imexco** chuyên sản xuất và mua bán bao bì nhựa, in bao bì và màng film
- **Công ty TNHH Viking Việt Nam**, là liên doanh giữa Công ty với một đối tác từ Đan Mạch, chuyên gia công hàng may mặc như: áo sơ mi, áo thun, áo khoác nam, quần nam, áo mưa, trang phục lao động chất lượng cao... xuất khẩu sang thị trường châu Âu và Mỹ.



## VII. Tổ chức và nhân sự

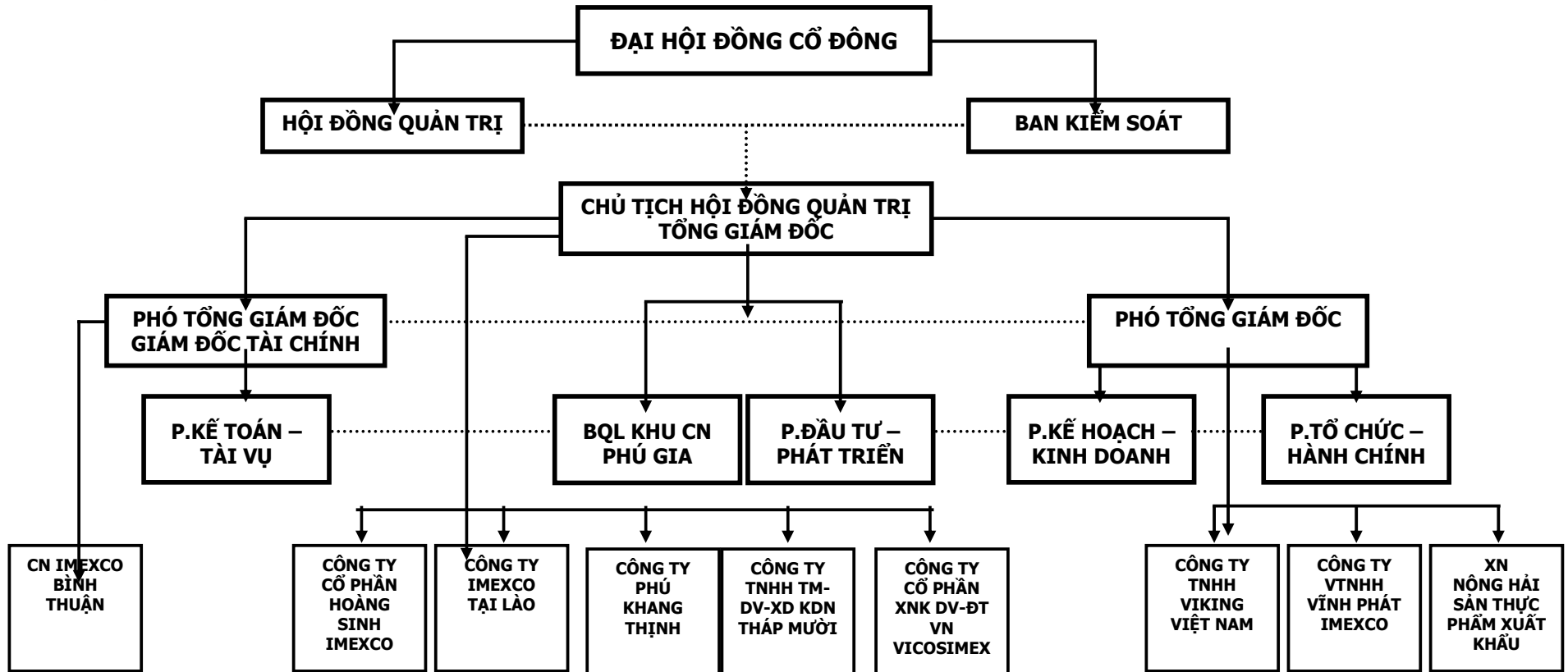
### 1. Cơ cấu tổ chức Công ty

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu tổng hợp và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh (Imexco) được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 08 thông qua ngày 29/11/2005.

Cơ sở của hoạt động quản trị và điều hành của Công ty là Điều lệ tổ chức và hoạt động được ĐHCĐ thông qua ngày 24/04/2007, được sửa đổi theo phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp 2005.

Cơ cấu tổ chức của Công ty hiện tại gồm: văn phòng Công ty, các phòng ban chức năng và các văn phòng đại diện trực thuộc.

*Sơ đồ bộ máy quản lý của Imexco (Xem trang sau)*





**\* Ban Tổng Giám đốc**

**1. Tổng Giám đốc: Ông Dương Kỳ Hiếu**

- Sinh ngày 20/6/1948. Nơi sinh :Bạc Liêu
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Nghiệp vụ Ngoại thương

**2. Phó Tổng Giám đốc: Bà Nguyễn Thị Gia Tường**

- Sinh ngày 5/5/1956. Nơi sinh : Hà nội
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản Trị Kinh doanh Việt Bỉ ,Chứng chỉ đào tạo quản trị công ty

**3. Phó Tổng Giám đốc: Ông Đỗ Nguyễn Kỳ Trung**

- Sinh ngày 11/3/1963. Nơi sinh TP.HCM
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán

**\* Kế Toán Trưởng Ông Đào Văn Thơm**

- Sinh ngày 20/12/1961. Nơi sinh: Bình Dương
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán, Chứng chỉ đào tạo quản trị công ty

**\* Chính sách đối với người lao động**

**1. Số người lao động trong Công ty**

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2009 là 333 người, với cơ cấu phân theo trình độ chuyên môn và thời hạn hợp đồng lao động được thể hiện như sau:

***Cơ cấu lao động của Imexco tại thời điểm 31/12/2009***

Stt	Phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Phân theo giới tính</b>	<b>333</b>	<b>100</b>
1	Nam	231	69,37
2	Nữ	102	30,63
<b>II</b>	<b>Phân theo trình độ chuyên môn</b>	<b>333</b>	<b>100</b>
1	Đại học và Trên đại học	41	12,31
2	Cao đẳng	3	0,90
3	Trung cấp	8	2,40
4	Lao động phổ thông	281	84,38
<b>III</b>	<b>Phân theo thời hạn hợp đồng lao động</b>	<b>333</b>	<b>100</b>
1	Không xác định thời hạn	191	57,36
2	Có xác định thời hạn từ 01 – 03 năm	15	4,50
3	Ngắn hạn dưới 01 năm	106	31,83
4	Đang thử việc	21	6,31

*Nguồn: Imexco*



## 2. Các chính sách đối với người lao động

### -Chính sách tiền lương

Công ty tự xây dựng thang bảng lương và đã đăng ký với Sở Lao động và Thương binh Xã hội Tp.Hồ Chí Minh. Khi lương tối thiểu Nhà nước tăng thì lương của CBCNV cũng sẽ tăng tương ứng.

-Người lao động làm ở vị trí công việc nào thì hưởng lương theo vị trí công việc đó. Đến hạn nâng lương người lao động được trình xét nâng lương đúng niên hạn.

-Người lao động làm việc tại Công ty được hưởng lương thời gian đối với các công việc không khoán được sản phẩm (khối văn phòng, bộ phận gián tiếp...). Lương thời gian bao gồm: lương cơ bản (hệ số lương do Công ty tự xây dựng nhân với lương tối thiểu Nhà nước quy định từng thời kỳ) cộng với phụ cấp tiền cơm, tiền xe.

-Hưởng lương sản phẩm đối với công việc khoán theo sản phẩm, chất lượng và hiệu quả công việc.

-Hàng tháng Công ty trả lương thành 2 kỳ, 1 lần giữa tháng (ngày 15) và 1 lần cuối mỗi tháng.

- Tiền lương làm thêm giờ được Công ty chi trả như sau:

- Làm vào ngày thường, ít nhất bằng 150% tiền lương giờ của ngày làm việc bình thường.
- Làm vào ngày nghỉ hàng tuần, ít nhất bằng 200% tiền lương giờ của ngày làm việc bình thường.
- Làm vào ngày Lễ, Tết, ít nhất bằng 300% tiền lương giờ của ngày làm việc bình thường.
- Nếu nghỉ bù thì chỉ trả phần chênh lệch của ngày làm bình thường.
- Nếu thêm giờ vào ban đêm thì còn được được trả thêm 30% tiền lương làm vào ban ngày.

Thu nhập bình quân năm 2009 của CBCNV Công ty là 3,5 triệu đồng/người/tháng.

### -Chính sách tiền thưởng

Vào các dịp lễ, Tết Công ty đều có thưởng cho người lao động, mức thưởng tùy thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tổng kết cuối năm, căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh và mức độ hoàn thành công việc, người lao động được bình xét thi đua khen thưởng.

### -Chính sách phúc lợi

Các trường hợp nghỉ chế độ bảo hiểm xã hội (ốm đau thai sản, nghỉ dưỡng sức..) Công ty đều thanh toán 100% lương cơ bản.

Lao động nữ sau khi sinh được Công ty trợ cấp 1,5 tháng lương tối thiểu chung của nhà nước (ngoài trợ cấp bảo hiểm xã hội).

Ngoài ra, người lao động nghỉ hưu được trợ cấp 3 thêm tháng lương cơ bản.



### **3. Thay đổi thành viên Ban Tổng Giám Đốc**

Từ ngày 01/08/2009, một Phó Tổng Giám đốc đã nghỉ hưu theo chế độ, hiện nay còn 02 Phó Tổng giám đốc đều là thành viên Hội đồng quản trị.

### **VIII .Thông tin cổ đông /Thành viên góp vốn và quản trị công ty**

#### **1. Hội Đồng Quản trị /Ban kiểm soát**

##### **\* Hội đồng Quản trị**

##### **1. Ông Dương Kỳ Hiếu**

Chức vụ Công tác hiện nay :

- Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu tổng hợp và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh

- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Hoàng Sinh Imexco

- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Thương mại-Dịch vụ-Xây dựng và Kinh doanh Nhà Thập Mươi

- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Vicosimex

- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Phú Khang Thịnh

- Số cổ phần nắm giữ:167.750 cổ phần (chiếm tỷ lệ 5,59%/vốn điều lệ)

##### **2. Ông Trần Quang Hưng :Thành viên độc lập không điều hành**

Chức vụ công tác hiện nay:

- Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần XNK tổng hợp và Đầu tư Tp.HCM

- Số cổ phần nắm giữ :100.000 cổ phần (chiếm tỷ lệ 3,33%/vốn điều lệ)

##### **3. Bà Nguyễn Thị Gia Tường**

Chức vụ công tác hiện nay:

- Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, Bí thư Đảng ủy Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu tổng hợp và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh

- Thành viên HĐQT Công ty TNHH Viking Việt Nam

- Thành viên BKS Hiệp hội Doanh nghiệp Tp.Hồ Chí Minh

- Đại diện vốn Nhà nước của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn

- Ủy viên ban Chấp hành Hội Dệt May Thêu Đan TP.HCM

Số cổ phần nắm giữ (05/01/2010):614.750 cổ phần (chiếm 20,49%/vốn điều lệ)

*Trong đó:*

*Đại diện vốn Nhà nước của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn:600.000 cổ phần (20,00%)*

*Sở hữu cá nhân: 14.750 cổ phần (0,49%)*



#### **4. Ông Đỗ Nguyễn Kỳ Trung**

Chức vụ công tác hiện nay:

- Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu tổng hợp và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh

- Số cổ phần nắm giữ: 16.200 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0,54%/vốn điều lệ)

#### **5. Ông Lê Việt Dũng : Thành viên độc lập không điều hành**

Chức vụ công tác hiện nay:

- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu tổng hợp và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh

- Số cổ phần nắm giữ: 269.320 cổ phần (chiếm tỷ lệ 8,98%/vốn điều lệ)

#### **\* Ban kiểm soát**

##### **1. Ông Lý Thanh Tòng**

Chức vụ công tác hiện nay:

- Trưởng BKS Công ty Cổ phần XNK tổng hợp và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh

##### **2. Ông Trần Văn Kiến**

Chức vụ công tác hiện nay:

- Trưởng Phòng Đầu tư – Phát triển, Thành viên BKS Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu tổng hợp và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh

- Phó Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng và Kinh doanh Nhà Tháp Mười

##### **3. Ông Nguyễn Anh Tùng**

Chức vụ công tác hiện nay:

- Thành viên BKS Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu tổng hợp và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh

- Kế toán trưởng Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn (Satra)

#### **Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2009 :**

1/ Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên, trong đó có 02 thành viên không trực tiếp điều hành. Việc thông tin, trao đổi tình hình giữa các thành viên trong HĐQT trong năm vừa qua luôn kịp thời, minh bạch rõ ràng, phục vụ tốt cho việc hoạch định chủ trương chính sách cũng như tạo sự đoàn kết, gắn bó trong HĐQT.

2/ Trong năm 2009 Hội đồng quản trị Công ty đã họp thường lệ 5 phiên và họp bất thường nhiều lần. HĐQT đã ban hành 5 Nghị quyết để giải quyết các công việc của Công ty theo thẩm quyền. Trong đó có các nghị quyết quan trọng như sau:

-Nghị quyết về việc phát hành 450 tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp theo ND 52/2006/NĐ-CP để huy động vốn thực hiện dự án “Khu Công Nghiệp Phú Gia” (tháng 11/2009).



- Nghị quyết về việc đăng ký lưu ký cổ phiếu và thực hiện đăng ký giao dịch cổ phiếu công ty trên sàn Upcom tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (tháng 12/2009).

- Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt các chủ trương, nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty đề ra, đã điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả, hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2009 do Đại hội đồng cổ đông giao.

**\* HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT :**

**Báo cáo Ban Kiểm soát:**

Căn cứ phân công tại cuộc họp Ban Kiểm soát ngày 02/05/2007, các thành viên Ban Kiểm soát đã thực hiện công tác giám sát việc quản lý, điều hành công ty của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Tham dự các cuộc họp: Hội đồng quản trị; giao ban; xác định kế hoạch SXKD tại các đơn vị trực thuộc và Văn phòng Công ty.

Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Thẩm định các báo cáo định kỳ về tình hình kinh doanh và tình hình tài chính của công ty. Kết hợp với công ty Kiểm toán thẩm định kết quả SXKD tại từng đơn vị trực thuộc và Văn phòng Công ty.

Tham gia công tác Kiểm kê định kỳ để thẩm định tình hình vốn và nguồn vốn của công ty.

Ban Kiểm soát đã họp định kỳ 03 lần trong năm và phối hợp thường xuyên để thực hiện các công tác trên.

Việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2009:

- Công ty đã tiến hành chi trả đầy đủ cổ tức năm 2008 và trích lập các Quỹ theo quyết định của Đại hội;

- Điều hành hoạt động SXKD đạt mức tối thiểu Kế hoạch được Đại hội thông qua:

- . Doanh thu và thu nhập : 271.765.295.267 đồng, tương đương 98,82% kế hoạch.
- . Kim ngạch XNK và Kiều hối : 6.206.306 USD, tương đương 51,72% kế hoạch.
- . Lợi nhuận trước thuế: 5.736.637.404 đồng, tương đương 114,73% kế hoạch

Tỷ lệ chi cổ tức dự kiến trình Đại hội: 9% vốn điều lệ, bằng 100% kế hoạch (gồm 4% chi bằng tiền mặt và 5% chi bằng cổ phiếu).

**\* Thù lao, lương Hội đồng quản trị và Ban Điều Hành năm 2009**

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Thù lao HĐQT/tháng</b>
<b>1</b>	<b>Dương Kỳ Hiếu</b>	<b>3.000.000 ĐVN</b>
<b>2</b>	<b>Trần Quang Hưng</b>	<b>3.000.000 ĐVN</b>
<b>3.</b>	<b>Lê Việt Dũng</b>	<b>2.500.000 ĐVN</b>





4	Đỗ Nguyễn Kỳ Trung	2.000.000 ĐVN
5	Nguyễn Thị Gia Tường	2.000.000 ĐVN

- Số thành viên HĐQT/Ban Kiểm soát/Ban Tổng Giám đốc có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty : 2 người (Một Phó Tổng Giám Đốc kiêm thành viên HĐQT và Trưởng ban kiểm soát)

**Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ**

Vốn cổ phần của Công ty tính đến ngày 05/01/2010 là 30.000.000.000 đồng, được chia thành 3.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cơ cấu vốn cổ phần như sau:

**Bảng 1: Cơ cấu vốn cổ phần của Imexco tính đến thời điểm 05/01/2010**

	Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
	Nhà nước	600.000	6.000.000.000	20,00
	Trong Công ty	853.170	8.531.700.000	28,44
	Pháp nhân/Tổ chức	24.850	248.500.000	0,83
	Cá nhân	828.320	8.283.200.000	27,61



	Ngoài Công ty	1.546.830	15.468.300.000	51,56
	<i>Pháp nhân/Tổ chức</i>	35.400	354.000.000	1,18
	<i>Cá nhân</i>	1.511.430	15.114.300.000	50,38
	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0,00</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>100</b>

Nguồn: Imexco

**b. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty**

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tính đến thời điểm 05/01/2010 như sau:

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn (Satra)	275B Phạm Ngũ Lão, P.Phạm Ngũ Lão, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh	600.000	6.000.000.000	20,00
2	Lê Việt Dũng	150-152 Ngô Quyền, P.5, Q.10, Tp.Hồ Chí Minh	269.320	2.693.200.000	8,98
3	Dương Kỳ Hiếu	61 Cao Thắng, P.3, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	167.750	1.677.500.000	5,59
	<b>Tổng cộng</b>		<b>1.037.070</b>	<b>10.370.700.000</b>	<b>34,57</b>

**2. Các Dữ liệu thống kê về cổ đông**

**2.1 Cổ đông Nhà nước**

Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn (Satra)

275B Phạm Ngũ Lão, P.Phạm Ngũ Lão, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ : 600.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 20% vốn điều lệ Imexco

**2.2 Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ**

Căn cứ vào Giấy CNĐKKD số 4103002078 đăng ký lần đầu ngày 02/02/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 08/06/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp danh sách cổ đông sáng lập của Công ty như sau:

**Danh sách cổ đông sáng lập của Imexco**




Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị <sup>1</sup> (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Đại diện vốn Nhà nước: Dương Kỳ Hiếu	61 Cao Thắng, P.3, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	60.000	6.000.000.000	20,00
2	Đại diện cổ đông: Trần Quang Hưng	216A Trương Tấn Bửu, P.9, Q.Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh	10.000	1.000.000.000	3,33
3	Nguyễn Ngọc Minh	C45-C47 Cư xá Văn Thánh Bắc, P.25, Q.Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh	3.000	300.000.000	1,00
4	Nguyễn Thị Quế Thọ	115 Bến Chương Dương, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh	2.290	229.000.000	0,76
5	Nguyễn Thị Gia Tường	106/9D Điện Biên Phủ, Q.Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh	1.250	125.000.000	0,24
6	484 cổ đông khác		223.460	22.346.000.000	74,49
<b>Tổng cộng</b>			<b>300.000</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>100</b>

**2.3 Cổ đông nước ngoài : Không có**

**TP.HCM ngày 20 tháng 5 năm 2010**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



DƯƠNG KỲ HIẾU

**( Đính kèm theo sau đây phần phụ lục)**

<sup>1</sup> Theo mệnh giá 100.000 đồng/cổ phần



CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP VÀ ĐẦU TƯ TP.HCM

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>398.875.786.352</b>	<b>125.970.517.628</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<b>110</b>		<b>260.583.551.660</b>	<b>7.011.344.238</b>
1. Tiền	111	V.1	260.583.551.660	7.011.344.238
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<b>120</b>	V.2	<b>27.600.000</b>	<b>10.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		27.600.000	10.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<b>130</b>	V.3	<b>119.351.031.812</b>	<b>94.940.938.760</b>
1. Phải thu khách hàng	131		54.972.524.845	45.994.532.483
2. Trả trước cho người bán	132		4.975.890.801	5.255.899.880
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		59.977.475.216	44.737.816.352
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(574.859.050)	(1.047.309.955)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<b>140</b>		<b>16.346.357.480</b>	<b>21.862.051.545</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.4	16.346.357.480	21.862.051.545
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<b>150</b>	V.5	<b>2.567.245.400</b>	<b>2.146.183.085</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		356.236.062	19.127.272
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.150.569.728	1.109.477.880
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	77.156.826
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.060.439.610	940.421.107
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>760.905.874.280</b>	<b>645.027.292.072</b>
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<b>210</b>		<b>69.968.486.210</b>	<b>88.301.968</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.6	69.968.486.210	88.301.968
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	<b>220</b>		<b>301.963.356.143</b>	<b>236.521.845.312</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	V.7	32.675.859.863	27.964.763.684
- Nguyên giá	222		42.547.639.379	35.512.381.377
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.871.779.516)	(7.547.617.693)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	V.8	1.756.860.461	2.049.670.541
- Nguyên giá	225		2.928.100.781	2.928.100.781
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.171.240.320)	(878.430.240)
2. TSCĐ vô hình	227	V.9	139.904.690.516	140.108.951.516
- Nguyên giá	228		139.904.690.516	140.108.951.516
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	127.625.945.303	66.398.459.571

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Trang 6



CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP VÀ ĐẦU TƯ TP.HCM

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>331.903.104.583</b>	<b>336.190.695.533</b>
1. Nguyên giá	241	V.11	331.903.104.583	336.190.695.533
2. Hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.12	<b>36.156.422.380</b>	<b>49.510.468.427</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	8.704.046.047
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		8.866.422.380	13.350.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		27.290.000.000	27.456.422.380
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>20.914.504.964</b>	<b>22.715.980.832</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	20.490.264.527	22.003.120.749
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		424.240.437	712.860.083
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.159.781.660.632</b>	<b>770.997.809.700</b>

**NGUỒN VỐN**

<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.120.143.235.702</b>	<b>731.593.308.752</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>279.715.129.354</b>	<b>345.648.422.953</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	126.062.974.231	108.370.746.001
2. Phải trả người bán	312	V.15	21.705.081.675	90.383.412.298
3. Người mua trả tiền trước	313	V.16	83.769.824.551	92.903.911.307
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	3.274.630.157	13.891.901.947
5. Phải trả người lao động	315		163.730.952	207.739.000
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	44.738.887.788	39.890.712.400
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>840.428.106.348</b>	<b>385.944.885.799</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.19	29.500.000.000	29.500.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	810.722.039.054	356.293.193.355
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		206.067.294	151.692.444

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Trang 7



CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP VÀ ĐẦU TƯ TP.HCM

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>39.638.424.930</b>	<b>39.404.500.948</b>
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	<b>410</b>		<b>38.947.351.238</b>	<b>39.037.400.483</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.21	30.000.000.000	30.000.000.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(95.474.343)	(151.344.747)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.21	3.192.335.298	3.192.335.298
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.21	1.133.449.558	903.589.993
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.21	(185.712.348)	(172.200.000)
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.21	4.902.753.073	5.265.019.939
<i>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</i>	<b>430</b>		<b>691.073.692</b>	<b>367.100.465</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	V.21	691.073.692	367.100.465
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<i>III. Lợi ích của cổ đông thiểu số</i>	<b>500</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.159.781.660.632</b>	<b>770.997.809.700</b>

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	1.414.144.134	1.808.502.247
5. Ngoại tệ các loại	-	-
+ USD	29.391.78	16.474.87
+ CAD	144.98	1.962.83
+ AUD	-	170.83
+ JPY	10.000.00	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

Người lập biểu

**ĐỖ THỊ THÁM HOA**

Kế toán trưởng

**ĐÀO VĂN THƠM**

Thành phố HCM, ngày 20 tháng 04 năm 2010



**ĐƯƠNG KỶ HIẾU**



CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP VÀ ĐẦU TƯ TP.HCM  
**BC KQ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Năm 2009

Mẫu số B 02 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	257.570.742.779	339.508.514.372
2. Các khoản giảm trừ	02		-	5.459.090
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		257.570.742.779	339.503.055.282
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	239.943.417.795	298.195.101.982
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.627.324.984	41.307.953.300
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.112.986.326	35.624.726.145
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	9.735.528.237	49.136.656.260
Trong đó : Lãi vay phải trả	23		8.417.666.775	44.839.946.100
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	8.510.165.696	7.243.332.541
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	6.373.253.819	9.538.797.310
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.121.363.558	11.013.893.334
11. Thu nhập khác	31	VI.7	6.081.566.162	26.904.518.652
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.466.292.316	28.448.936.991
13. Lợi nhuận khác	40		4.615.273.846	(1.544.418.339)
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	50		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		5.736.637.404	9.469.474.995
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	VI.9	1.805.819.162	4.508.409.849
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		3.930.818.242	4.961.065.146
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số			-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ			-	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80		-	-

Thành phố HCM, ngày 20 tháng 04 năm 2010

Người lập biểu

**ĐỖ THỊ THÁM HOA**

Kế toán trưởng

**ĐÀO VĂN THƠM**

Giám đốc



**DƯƠNG KỶ HIẾU**

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Trang 9



CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP VÀ ĐẦU TƯ TP.HCM

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2009

Mẫu số B 03 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: VNĐ	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.736.637.404	6.395.225.277
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	2.873.821.376	2.981.024.287
- Các khoản dự phòng	03	(472.450.905)	2.729.091.318
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04	(77.433.404)	(140.490.814)
- Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư	05	(12.814.941.482)	(32.884.382.337)
- Chi phí lãi vay	06	8.712.147.097	42.195.667.533
3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	3.957.780.086	21.276.135.264
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(95.687.327.412)	(36.998.241.701)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	5.508.623.938	7.807.277.015
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	73.888.520.742	19.692.066.203
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	1.154.221.958	(374.388.113)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(13.186.048.287)	(65.644.238.945)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(43.672.775)	(220.514.721)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	85.600.360	1.643.889.556
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(6.882.423.340)	(1.492.015.720)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(31.204.724.730)</b>	<b>(54.310.031.162)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(49.551.637.071)	(49.326.046.084)
2. Thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	4.945.094.149	6.387.699.647
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.300.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của đơn vị khác	24	8.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(167.600.000)	(2.786.297.440)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	5.605.835.770	2.150.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	921.052.277	32.883.087.381
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(40.547.254.875)</b>	<b>(10.691.556.496)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	643.375.523.401	273.794.217.231
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(314.136.563.247)	(205.415.329.320)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(679.411.670)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.000.000.000)	(3.989.899.986)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>325.559.548.484</b>	<b>64.388.987.925</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>253.807.568.879</b>	<b>(612.599.733)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>6.775.982.781</b>	<b>7.623.943.971</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>260.583.551.660</b>	<b>7.011.344.238</b>

Người lập biểu

ĐỖ THỊ THÁM HOA

Kế toán trưởng

ĐÀO VĂN THƠM

Thành phố HCM, ngày 20 tháng 04 năm 2010



ĐƯƠNG KỲ HIẾU